

Số: 84/2022/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

Về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số loại phí, lệ phí tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 7

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 1127/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số: 92/BC-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Bổ sung một số nội dung quy định về lệ phí thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Bổ sung danh mục lệ phí “*Gia hạn giấy phép lao động*” vào mục 23 phân VIII Phụ lục I như sau:



STT	Tên phí/ Lĩnh vực	Đơn vị tính	Mức thu
VIII	<b>LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI (01 khoản lệ phí)</b>		
23	<b>Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam</b>		
-	Gia hạn giấy phép lao động	đồng/giấy phép	360.000

2. Bổ sung về đối tượng nộp lệ phí “*Gia hạn giấy phép lao động*” tại mục 8 Phụ lục II như sau:

STT	Lĩnh vực theo quy định tại Luật Phí, lệ phí	Tên phí, lệ phí	Đối tượng nộp phí, lệ phí	Đơn vị thu phí, lệ phí
8	<b>Lao động, thương binh xã hội (01 lệ phí)</b>	24. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Người sử dụng lao động làm thủ tục để được cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động, gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mình hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.	- Sở Lao động Thương binh và Xã hội - Ban quản lý khu kinh tế tỉnh - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh

**Điều 2.** Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung quy định về phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Sửa tên “*Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết*” thành “*Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*”, cụ thể như sau:

a) Tại mục 10 phần V Phụ lục I như sau:

STT	Tên phí/ Lĩnh vực	Đơn vị tính	Mức thu
V	<b>Tài nguyên và Môi trường</b>		
10	<b>Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</b>		
-	Dự án ≤ 50 tỷ	đồng/ báo cáo	5.000.000
-	Dự án > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ	đồng/ báo cáo	6.000.000
-	Dự án > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ	đồng/ báo cáo	10.800.000
-	Dự án > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ	đồng/ báo cáo	12.000.000
-	Dự án > 500 tỷ	đồng/ báo cáo	15.600.000

b) Tại Mục 5 Phụ lục II như sau:

STT	Lĩnh vực theo quy định tại Luật Phí, lệ phí	Tên phí, lệ phí	Đối tượng nộp phí, lệ phí	Đơn vị thu phí, lệ phí
5	Tài nguyên và Môi trường (09 phí, lệ phí)	11. Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Chi cục Bảo vệ môi trường; - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh

c) Tại Mục 5 Phụ lục III như sau:

STT	Lĩnh vực theo quy định tại Luật Phí, lệ phí	Tên phí, lệ phí	Tên đơn vị thu phí, lệ phí	Tỷ lệ trích tối đa để lại (%)
5	Tài nguyên và môi trường	8. Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Chi cục Bảo vệ môi trường; - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	90% (trong đó trích cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh là 4%)

2. Bãi bỏ danh mục “*Phí thăm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi*” tại: Mục 16 phần V Phụ lục I; số thứ tự 17 cột tên phí, lệ phí tại Mục 5 Phụ lục II; số thứ tự 14 cột tên phí, lệ phí tại Mục 5 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo rà soát, đánh giá tổng thể việc thực hiện Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 và đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế (nếu cần thiết) cho phù hợp với các quy định mới của pháp luật, tình hình thực tế tại địa phương.

2. Thường trực, các Ban, các Tổ và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2022./

#### Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Các bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS(P1).

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Kỳ**